

## Ứng phó với cáo buộc xâm phạm sáng chế tại Việt Nam như thế nào?

Khả năng bị cáo buộc xâm phạm sáng chế luôn là mối đe dọa cho các doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam. Việc cáo buộc thuần túy cũng có thể gây hoang mang, lo lắng cho người bị cáo buộc vi phạm, những người có thể phải đối mặt với một loạt các hậu quả tiêu cực như bị tịch thu sản phẩm, kiện cáo, bồi thường thiệt hại hay sự tấn công của truyền thông. Để giảm thiểu những rủi ro này, bên bị cáo buộc vi phạm thường áp dụng nhiều hành động khác nhau, chẳng hạn như chấp nhận cáo buộc, ký vào thư cam kết, loại bỏ các sản phẩm vi phạm hoặc đàm phán để xin giấy phép chuyển giao quyền sử dụng sáng chế. Tuy nhiên, việc vội vàng chấp nhận yêu cầu của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) sau khi bị cáo buộc vi phạm có thể dẫn đến rủi ro pháp lý lớn hơn. Bất kỳ ai, dù là nguyên đơn hay bị đơn, thì quyền và lợi ích của họ đều phải được bảo vệ miễn rằng các quyền ấy là chính đáng và hợp pháp. Trong nhiều trường hợp, bị đơn hoặc cá nhân bị cáo buộc không hẳn đã là người vi phạm. Khi bị cáo buộc xâm phạm sáng chế, điều quan trọng là phải giữ bình tĩnh. Cần nhớ rằng, pháp luật về SHTT của Việt Nam trao cho chủ thể quyền sáng chế độc quyền khai thác, sử dụng sáng chế, tiến hành các hành động pháp lý chống lại các hành vi xâm phạm, nhưng không vì thế làm mất đi quyền tự bảo vệ, quyền được biện hộ của tổ chức, cá nhân bị cáo buộc. Bài viết này sẽ cung cấp một số khuyến nghị cho người bị cáo buộc xâm phạm sáng chế tại Việt Nam để họ bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình.

### 1. Phân tích kỹ phạm vi bảo hộ của sáng chế

Để nâng cao vị thế pháp lý của mình, bên bị cáo buộc xâm phạm sáng chế phải hiểu rõ về “phạm vi bảo hộ của sáng chế”. Điều quan trọng là việc nắm bắt được giải pháp kỹ thuật mà bằng sáng chế bao hàm, đây là điều bắt buộc để thực thi quyền đối với bằng sáng chế. Phần yêu cầu bảo hộ của sáng chế đóng vai trò quan trọng trong việc xác định mức độ bảo hộ được chủ bằng sáng chế yêu cầu bảo hộ và được cơ quan nhà nước cấp bảo hộ. Ngoài ra, phần mô tả và bản vẽ có thể cung cấp ngữ cảnh và giải thích bổ sung để củng cố cho yêu cầu bảo hộ.

Phần “yêu cầu bảo hộ” của sáng chế được coi là điểm cốt lõi, là “trái tim” của sáng chế, bởi nó giúp xác định phạm vi bảo hộ độc quyền của sáng chế. Một bộ yêu cầu bảo hộ sáng chế có thể bao gồm một hay nhiều yêu cầu bảo hộ cho một hoặc một nhóm đối tượng cần được bảo hộ. Mỗi đối tượng cần được bảo hộ được thể hiện bằng một điểm yêu cầu độc lập và nếu cần thiết thì còn là một hoặc một số điểm phụ thuộc. Nói cách khác, yêu cầu bảo hộ tạo ra ranh giới, phạm vi bảo hộ của sáng chế tối đa mà chủ sở hữu sáng chế nhận được.

Phần yêu cầu bảo hộ của sáng chế xác định phạm vi độc quyền của sáng chế bằng cách giới hạn mức độ mà sáng chế có thể được bảo vệ khỏi hành vi sử dụng hoặc sao chép trái phép. Khi đối mặt với cáo buộc vi phạm, người bị cáo buộc vi phạm sẽ cần phải tiến hành phân tích toàn diện để xác định phạm vi bảo hộ của sáng chế và tính hợp lệ của yêu cầu bảo hộ.

Sau khi được cấp bằng độc quyền sáng chế, chủ sở hữu bằng sáng chế có quyền hợp pháp để ngăn chặn các đơn vị khác sản xuất, sử dụng, bán hoặc nhập khẩu sáng chế được bảo hộ. Tuy nhiên, phạm vi bảo hộ của sáng chế không phải lúc nào cũng rõ ràng và có thể phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau, chẳng hạn, ngôn ngữ được sử dụng trong yêu cầu bảo hộ, tình trạng kỹ thuật trước đó và cách giải thích của cơ quan thực thi liên quan đến yêu cầu bảo hộ.

Trong một số trường hợp nhất định, chủ sở hữu bằng sáng chế có thể không hiểu đầy đủ về các quyền bằng sáng chế của họ cho đến khi đối mặt với một tình huống cần phải thực thi quyền chống lại các cá nhân hoặc tổ chức có khả năng vi phạm. Trong quá trình này, chủ sở hữu bằng sáng chế có thể nhận ra rằng phạm vi bảo hộ sáng chế của họ hẹp hơn hoặc rộng hơn so với dự định ban đầu hoặc có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Đây là lúc người bị cáo buộc phải hết sức chú ý đến các “yêu cầu bảo hộ” của sáng chế để xác định chính xác bất kỳ “điểm yếu” nào có thể xảy ra và chuẩn bị các lập luận hoặc hành động hợp pháp để thách thức hiệu lực của yêu cầu bảo hộ sáng chế như một chiến lược biện hộ cho mình.

Phần yêu cầu bảo hộ của bản mô tả bằng sáng chế có thể được trình bày ở dạng “mở” hoặc “đóng”, yêu cầu bảo hộ mở sẽ có phạm vi bảo vệ rộng hơn và làm cho các sản phẩm hoặc quy trình của bên thứ ba có nhiều khả năng được bảo hộ bởi bằng sáng chế hơn. Ngược lại, yêu cầu bảo hộ đóng sẽ giới hạn phạm vi của bằng sáng chế, cho phép các bên thứ ba tránh vi phạm bằng sáng chế bằng cách thêm các yếu tố bổ sung.

Phần yêu cầu bảo hộ thường là khía cạnh đầu tiên của bản mô tả sáng chế được thẩm định bởi thẩm định viên, cơ quan thực thi hoặc các bên khác khi đánh giá phạm vi bảo hộ của sáng chế. Điều này là do yêu cầu bảo hộ xác định liệu sản phẩm hoặc quy trình có thuộc phạm vi bảo hộ được xác định bởi bất kỳ điểm nào

trong yêu cầu bảo hộ hay không. Do đó, nguy cơ vi phạm sẽ lớn hơn nếu phần yêu cầu bảo hộ bao gồm yêu cầu bảo hộ “mở”, trong khi đó nguy cơ vi phạm sẽ thấp hơn nếu yêu cầu bảo hộ “đóng”.

## 2. Chứng cứ vi phạm sáng chế: Hợp pháp hay không?

Nói chung, cáo buộc vi phạm sáng chế phát sinh khi chủ sở hữu bằng sáng chế cung cấp bằng chứng cho thấy rằng một bên đã tham gia vào các hoạt động như sản xuất, kinh doanh hoặc nhập khẩu các sản phẩm giống hệt hoặc tương đương với sản phẩm được cấp bằng sáng chế. Khi đối mặt với các cáo buộc vi phạm bằng sáng chế ở Việt Nam, điều quan trọng là phải xác định “*tính hợp pháp*” của bằng chứng, chứng cứ mà chủ sở hữu bằng sáng chế cung cấp.

Mấu chốt của các cáo buộc vi phạm bằng sáng chế nằm ở chứng cứ do người được cấp bằng sáng chế đưa ra. Trong tố tụng dân sự, việc trình bày chứng cứ là trọng tâm chính của cả nguyên đơn và bị đơn, và chứng cứ được đưa ra đều ảnh hưởng đến mỗi giai đoạn của tố tụng dân sự. Chứng cứ hợp pháp đóng vai trò quan trọng trong việc quyết định kết quả của vụ việc. Để được coi là hợp pháp thì chứng cứ phải tuân thủ các yêu cầu theo luật định.

Trong các vụ kiện về SHTT gần đây được xét xử tại Việt Nam, các tòa án thường không công nhận tính hợp pháp của các chứng cứ được nộp để hỗ trợ cho các vụ kiện xâm phạm sáng chế, vì các chứng cứ đó bị coi là không tuân thủ các yêu cầu luật định. Để chứng cứ được coi là bằng chứng và hợp pháp, nó phải tuân thủ các yêu cầu pháp lý đã được thiết lập. Do đó, điều quan trọng là phải thẩm định các chứng cứ do chủ sở hữu sáng chế đưa ra và đảm bảo rằng tất cả các chứng cứ đều tuân thủ yêu cầu của pháp luật để chống lại các cáo buộc xâm phạm sáng chế tại Việt Nam.

**Chứng cứ không hợp pháp là chứng cứ không được thu thập theo trình tự pháp luật quy định, nên không được Tòa án sử dụng làm căn cứ để xác định các tình tiết khách quan của vụ án, cũng như xác định yêu cầu hay sự phản đối của đương sự.** Trong quá trình giải quyết vụ án, việc xác định chứng cứ có hợp pháp hay không căn cứ theo Điều 95 BLTTDS và các quy định khác của pháp luật tố tụng dân sự. **Chứng cứ được thu thập bất hợp pháp (hay chứng cứ thu thập không đúng cách) không chứng minh được mối liên hệ giữa sản phẩm bị cáo buộc và bên bị cáo buộc không được coi là nguồn chứng cứ.** Như vậy, rõ ràng cần phải so sánh, phân tích kỹ các chứng cứ mà chủ sở hữu sáng chế đưa ra nhằm xác định sự mâu thuẫn, hay không thống nhất và những “điểm yếu” trong các chứng cứ đó. Bên bị cáo buộc xâm phạm sáng chế cần trang bị những kiến thức cần thiết để hiểu rõ các quy định của pháp luật Việt Nam về vấn đề chứng cứ, trên cơ sở đó, xem xét khả năng bác bỏ tính hợp pháp của chứng cứ được chủ bằng sáng chế cung cấp.

## 3. Xác định liệu sản phẩm bị cáo buộc “trùng” hoặc “tương đương” với sản phẩm được bảo hộ sáng chế không ?

Khi khẳng định có hành vi xâm phạm sáng chế, chủ bằng sáng chế phải so sánh sản phẩm bị cáo buộc với sản phẩm được bảo hộ sáng chế theo một điểm yêu cầu bảo hộ cụ thể nào đó (*độc lập* và *phụ thuộc*) của yêu cầu bảo hộ thuộc Bằng độc quyền sáng chế. Về nguyên tắc, nếu tất cả các dấu hiệu (*đặc điểm*) kỹ thuật cơ bản được nêu trong yêu cầu bảo hộ đều ở dạng tương đương hoặc trùng với các sản phẩm bị cáo buộc, thì sản phẩm bị cáo buộc được coi là trùng hoặc tương đương với sản phẩm được bảo hộ sáng chế.

Để xác định xem hai đặc điểm kỹ thuật có “trùng nhau” hay không, phải đáp ứng bốn điều kiện sau đây: **(i)** có cùng bản chất, **(ii)** cùng mục đích sử dụng, **(iii)** cùng cách thức đạt được mục đích và **(iv)** cùng mối quan hệ với các dấu hiệu khác nêu trong yêu cầu bảo hộ.

Tương tự, hai đặc điểm kỹ thuật được coi là “tương đương” nếu chúng đáp ứng ba điều kiện: **(i)** có bản chất tương tự nhau hoặc có thể thay thế cho nhau, **(ii)** có mục đích sử dụng cơ bản giống nhau và **(iii)** cách thức để đạt được mục đích sử dụng cơ bản giống nhau.

Tóm lại, cáo buộc xâm phạm sáng chế đòi hỏi sự so sánh giữa sản phẩm bị cáo buộc với sản phẩm được cấp bằng sáng chế theo các yêu cầu bảo hộ cụ thể của bằng sáng chế. Để được coi là trùng hoặc tương đương, tất cả các đặc điểm kỹ thuật cơ bản được liệt kê trong yêu cầu bảo hộ phải trùng hoặc tương đương với sản phẩm bị cáo buộc. Các đặc điểm kỹ thuật được coi là trùng hoặc tương đương dựa trên các điều kiện cụ thể được đáp ứng.

Pháp luật về sáng chế của Việt Nam quy định rằng: [*Nếu sản phẩm/bộ phận sản phẩm/quy trình bị xem xét không chứa ít nhất một dấu hiệu (đặc điểm) kỹ thuật cơ bản nêu trong một điểm nào đó của yêu cầu bảo hộ thì sản phẩm/bộ phận sản phẩm/quy trình bị xem xét được coi là không trùng/không tương đương với sản*

phẩm/bộ phận sản phẩm/quy trình được bảo hộ theo điểm đó]. Như vậy, để bác bỏ cáo buộc xâm phạm sáng chế tại Việt Nam, bên bị cáo buộc cần chứng minh rằng sản phẩm của mình không chứa ít nhất một dấu hiệu (đặc điểm) kỹ thuật cơ bản nêu trong một điểm nào đó của yêu cầu bảo hộ.

#### 4. Miễn trừ xâm phạm sáng chế hoặc sử dụng trung thực sáng chế

Trong một số trường hợp, chủ bằng sáng chế không có quyền thực thi chống lại việc sử dụng sáng chế đã bảo hộ. Điều này có nghĩa là việc bên thứ ba sử dụng sáng chế của người khác mà không xin phép chủ bằng sáng chế sẽ không cấu thành hành vi xâm phạm sáng chế trong các trường hợp sau:

- Sử dụng sáng chế nhằm phục vụ nhu cầu cá nhân hoặc mục đích phi thương mại hoặc nhằm mục đích đánh giá, phân tích, nghiên cứu, giảng dạy, thử nghiệm, sản xuất thử hoặc thu thập thông tin để thực hiện thủ tục xin phép sản xuất, nhập khẩu, lưu hành sản phẩm.
- Lưu thông, nhập khẩu, khai thác công dụng của sản phẩm được đưa ra thị trường, kể cả thị trường nước ngoài một cách hợp pháp.
- Sử dụng sáng chế chỉ nhằm mục đích duy trì hoạt động của các phương tiện vận tải của nước ngoài đang quá cảnh hoặc tạm thời nằm trong lãnh thổ Việt Nam.
- Sử dụng sáng chế do người có quyền sử dụng trước.
- Sử dụng sáng chế do người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thực hiện theo quy định tại Điều 145 và Điều 146 của Luật SHTT.

#### 5. Các biện pháp phòng ngừa để giảm thiểu thiệt hại và bảo vệ hệ thống đại lý và nhà phân phối

Để giảm thiểu thiệt hại và bảo vệ hệ thống đại lý và nhà phân phối, điều quan trọng là phải hành động ngay lập tức khi đối mặt với cáo buộc xâm phạm quyền SHTT, đặc biệt là xâm phạm sáng chế. Với tư cách là bên bị cáo buộc, hãy cân nhắc xem xét các biện pháp sau:

- Thông báo kịp thời tới người chịu trách nhiệm của hệ thống đại lý, nhà phân phối về việc đã có hoặc sẽ có khả năng xảy ra tranh chấp về quyền SHTT đối với sản phẩm đang chào bán.
- Đảm bảo nguồn hàng, giấy tờ giao dịch, hợp đồng liên quan đến sản phẩm, nhân viên bán hàng... phải được kiểm soát chặt chẽ, cẩn trọng khi thực hiện bất kỳ giao dịch nào liên quan tới sản phẩm với bên thứ ba.
- Tìm cách thay đổi các dấu hiệu kỹ thuật cơ bản của sản phẩm bị cáo buộc so với sản phẩm được bảo hộ sáng chế.

Thực hiện các bước này có thể giúp bên bị cáo buộc giảm thiểu thiệt hại và bảo vệ lợi ích kinh doanh trong khi chống lại các cáo buộc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.

#### 6. Hiểu về các rủi ro, nguy cơ và thực tiễn thực thi quyền SHTT tại Việt Nam

Trong trường hợp vi phạm sáng chế tại Việt Nam, chủ sở hữu bằng sáng chế có quyền lựa chọn yêu cầu các biện pháp xử lý hành chính và/hoặc dân sự. Do đó, trong trường hợp chủ bằng sáng chế yêu cầu các cơ quan thực thi hành chính như Thanh tra Khoa học công nghệ hoặc tòa án giải quyết vụ việc, bên bị cáo buộc có thể phải đối mặt với các chế tài hành chính và dân sự được nêu chi tiết dưới đây:

**Chế tài hành chính:** Về nguyên tắc, mỗi hành vi xâm phạm SHTT nói chung và sáng chế nói riêng, cơ quan thực thi hành chính có thể áp dụng một trong các hình thức xử phạt chính là cảnh cáo hoặc phạt tiền. Mức tiền phạt phụ thuộc vào giá trị hàng hóa phát hiện được tại thời điểm thanh tra, kiểm tra. Cần lưu ý rằng, mức tiền phạt sẽ thấp khi: (i) Giá trị hàng hóa vi phạm thấp và (ii) số lượng tang vật vi phạm được phát hiện và thu giữ trong đợt truy quét do cơ quan thực thi pháp luật Việt Nam tiến hành còn ít.. Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính ở Việt Nam là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó.

Để áp dụng mức tiền phạt, cơ quan thực thi pháp luật Việt Nam phải xác định giá trị của các sản phẩm vi phạm bị thu giữ trong quá trình thanh tra. Giá trị được xác định dựa trên các cơ sở ưu tiên sau: (i) giá niêm yết của hàng hoá xâm phạm; (ii) giá thực bán của hàng hoá xâm phạm; (iii) giá thành của hàng hoá xâm phạm (nếu chưa được xuất bán) và (iv) giá thị trường của hàng hoá tương đương có cùng chỉ tiêu kỹ thuật, chất lượng.

Lưu ý rằng, tại Việt Nam, trong trường hợp không xác định được giá trị của sản phẩm vi phạm theo các tiêu chí nêu trên, cơ quan thực thi thường yêu cầu bên vi phạm khai báo về giá của sản phẩm để căn cứ vào đó ấn định mức tiền phạt. Như vậy, tổng giá trị hàng hoá vi phạm càng thấp, thì mức tiền phạt ấn định đối với bên vi phạm càng thấp.

Mức phạt tiền tối đa đối với cá nhân là 250.000.000 đồng. Trong khi đó, mức phạt tiền tối đa đối với tổ chức là 500.000.000 đồng.

**Chế tài dân sự:** Tòa án có thẩm quyền buộc bị đơn thực hiện các biện pháp dân sự theo quy định tại Điều 202 Luật SHTT. Cần lưu ý rằng, ngoài bồi thường thiệt hại, chủ bằng sáng chế còn có quyền yêu cầu Tòa án buộc tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền SHTT phải thanh toán chi phí hợp lý để thuê luật sư.

Tuy nhiên, không phải lúc nào bị đơn cũng bị đặt vào thế bất lợi so với nguyên đơn. Trong trường hợp bị đơn được xác định là không có hành vi xâm phạm, theo luật, họ có quyền yêu cầu tòa án buộc nguyên đơn thanh toán phí luật sư hợp lý hoặc các chi phí khác. Quy định này đã được bổ sung vào Luật SHTT sửa đổi 2019 của Việt Nam và được đánh giá là một chế định tiên tiến trong việc cân bằng lợi ích của các bên.

Nguyên đơn, bị đơn ở Việt Nam thường quan tâm đến cơ chế bồi thường trong các vụ kiện về quyền SHTT. Mức bồi thường là một chủ đề thảo luận thường xuyên vì nó được xác định dựa trên thiệt hại thực tế mà nguyên đơn phải gánh chịu và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi xâm phạm và thiệt hại phát sinh. Tuy nhiên, tòa án thường ấn định mức bồi thường thấp trong các vụ kiện về quyền SHTT do tính phức tạp của việc xác định thiệt hại làm cơ sở cho yêu cầu bồi thường. Nguyên đơn phải tuân theo các quy tắc nghiêm ngặt để tính toán tổn thất vật chất theo luật pháp Việt Nam.

## 7. Tìm kiếm căn cứ để thách thức hiệu lực của bằng độc quyền sáng chế tại Việt Nam

Những người bị cáo buộc xâm phạm sáng chế thường sử dụng biện pháp bảo vệ là tấn công hiệu lực của bằng độc quyền sáng chế. Pháp luật về sáng chế của Việt Nam cho phép bất kỳ tổ chức, cá nhân nào đều có quyền yêu cầu Cục SHTT Việt Nam hủy bỏ hiệu lực bằng độc quyền sáng chế trong các tình huống sau:

- Đơn đăng ký sáng chế vi phạm quy định về kiểm soát an ninh đối với sáng chế.
- Đơn sáng chế được tạo ra trực tiếp trên cơ sở nguồn gen hoặc tri thức truyền thống gắn với nguồn gen nhưng không bộc lộ hoặc bộc lộ không chính xác nguồn gốc của nguồn gen hoặc tri thức truyền thống gắn với nguồn gen liên quan đến đơn đó.
- Người nộp đơn không có quyền đăng ký sáng chế cũng như không được chuyển nhượng quyền đó.
- Sáng chế không đáp ứng các điều kiện bảo hộ quy định tại Điều 8 (trái đạo đức xã hội, trật tự công cộng, có hại cho quốc phòng, an ninh) và Chương VII (không đáp ứng các tiêu chí bảo hộ về tính mới, trình độ sáng tạo và khả năng áp dụng công nghiệp)
- Việc sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký sáng chế vượt ra ngoài phạm vi đối tượng được bộc lộ hoặc nêu trong đơn hoặc làm thay đổi bản chất của đối tượng yêu cầu bảo hộ.
- Sáng chế không được bộc lộ đầy đủ và rõ ràng đến mức căn cứ vào đó người có hiểu biết trung bình về lĩnh vực kỹ thuật tương ứng có thể thực hiện được sáng chế đó.
- Sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ vượt quá phạm vi bộc lộ trong bản mô tả ban đầu của đơn đăng ký sáng chế.
- Sáng chế được cấp bằng độc quyền không đáp ứng điều kiện nộp đơn đầu tiên quy định tại Điều 90 của luật SHTT.

Một trong những phương thức tấn công hiệu lực của bằng độc quyền sáng chế thường được sử dụng ở Việt Nam là tiến hành thủ tục hủy bỏ hiệu lực bằng độc quyền sáng chế. Điều này thường được thực hiện trên cơ sở sáng chế được cấp bằng độc quyền không đáp ứng một trong ba điều kiện sau: tính mới, trình độ sáng tạo và khả năng áp dụng công nghiệp. Nếu có thể chỉ ra rằng bất kỳ yêu cầu pháp lý nào trong số này đã bị vi phạm, thì sáng chế có thể bị tuyên bố là không hợp lệ. Nguyên tắc đánh giá tính mới, trình độ sáng tạo và khả năng áp dụng công nghiệp của sáng chế được quy định chi tiết tại Điểm 25.4, 25.5 và 25.6 Thông tư 01/2007/TT-BKHCHN.

Để bắt đầu thủ tục hủy bỏ hiệu lực bằng sáng chế trên cơ sở này, cần phải cung cấp các tài liệu hoặc bằng chứng về các giải pháp kỹ thuật đã có trước đó “trùng” hoặc “tương đương” với các giải pháp kỹ thuật đã được cấp bằng sáng chế. Điều này có thể liên quan đến việc tiến hành tra cứu, tìm kiếm thông qua các công cụ tìm kiếm bằng sáng chế hoặc thu thập thông tin từ bất kỳ nguồn sẵn có nào. Mục đích là để chứng minh rằng sản phẩm bị cáo buộc có trước sản phẩm được cấp bằng sáng chế và do đó không đáp ứng các điều kiện để được bảo hộ do mất tính mới.

Bên cạnh đó, ngoài việc bác bỏ hiệu lực của bằng độc quyền sáng chế tại Việt Nam bằng cách chứng minh rằng giải pháp kỹ thuật được cấp bằng sáng chế không đáp ứng các yêu cầu pháp lý về tính mới, trình độ sáng tạo và khả năng áp dụng công nghiệp, người yêu cầu hủy bỏ hiệu lực bằng độc quyền sáng chế còn có thể sử dụng các căn cứ khác. Chúng bao gồm thu thập tài liệu để chứng minh rằng phạm vi của các đối tượng bộc lộ trong đơn xin cấp bằng sáng chế ban đầu đã được mở rộng thông qua các sửa đổi, hoặc tiến hành các

thử nghiệm để xác định liệu một người có hiểu biết trung bình về lĩnh vực kỹ thuật tương ứng có thể thực hiện được sáng chế hay không hoặc chứng minh rằng sáng chế đã được cấp bằng bảo hộ vượt xa phạm vi được bộc lộ trong phần mô tả ban đầu của đơn đăng ký sáng chế.

Do đó, có nhiều căn cứ/biện pháp để thách thức hiệu lực của bằng sáng chế trong thủ tục hủy bỏ hiệu lực bằng sáng chế của Việt Nam. Bằng cách sử dụng các tùy chọn có sẵn và cung cấp bằng chứng cần thiết, người yêu cầu hủy hiệu lực bằng sáng chế có thể tăng cơ hội thành công trong nỗ lực hủy bỏ hiệu lực bằng sáng chế.

## 8. Sử dụng ý kiến chuyên gia về việc không vi phạm để bác bỏ cáo buộc xâm phạm từ chủ thể bằng sáng chế

Để củng cố lập luận không vi phạm và chống lại các cáo buộc vi phạm sáng chế từ người được cấp bằng sáng chế, bên bị cáo buộc có thể tìm kiếm ý kiến chuyên gia trong ngành để khẳng định rằng sản phẩm bị cáo buộc không trùng hoặc tương đương với sản phẩm được bảo hộ sáng chế. Bên bị cáo buộc nên chủ động phối hợp với các chuyên gia trong lĩnh vực kỹ thuật sáng chế được bảo hộ để chuẩn bị các bản phân tích, so sánh toàn diện và rõ ràng. Điều này sẽ là căn cứ có lợi cho các lập luận không vi phạm được trình bày.

### Lời kết

Đối mặt với cáo buộc xâm phạm quyền SHTT nói chung và sáng chế nói riêng luôn là nỗi ám ảnh với tổ chức, cá nhân bị cáo buộc. Hãy nghiên cứu kỹ lưỡng và cẩn trọng các cáo buộc xâm phạm sáng chế, nhưng không vì thế, cần phải hoảng sợ. Hãy nỗ lực tìm ra chiến lược tốt nhất để ứng phó chống lại các cáo buộc từ chủ bằng sáng chế một cách khôn ngoan và hợp pháp, từ đó, cân bằng vị thế của mình nếu như buộc phải tham gia giải quyết tranh chấp về sáng chế với chủ bằng sáng chế, cũng như giảm thiểu thiệt hại có thể xảy ra với doanh nghiệp hoặc các đối tác đang kinh doanh/phân phối sản phẩm trên thị trường Việt Nam.

Ngay cả khi bạn có kiến thức kỹ thuật chuyên sâu, khuyến nghị của chúng tôi là bạn nên sử dụng dịch vụ SHTT chuyên nghiệp, đặc biệt là các luật sư có kinh nghiệm trong lĩnh vực thực thi quyền SHTT. [Các luật sư sở hữu trí tuệ của KENFOX](#) có kiến thức và kinh nghiệm thực tế sâu rộng và đa dạng sẽ giúp tìm hiểu, phân tích và đề xuất những bước tiếp cận linh hoạt, phù hợp với doanh nghiệp của bạn. Chúng tôi tin rằng một giải pháp đúng, nhưng nếu không phù hợp với doanh nghiệp của bạn, sẽ không phải là một giải pháp tốt.

By Nguyen Vu QUAN  
Partner & IP Attorney

### Contact

#### KENFOX IP & Law Office

Building No. 6, Lane 12/93, Chinh Kinh Street, Nhan Chinh Ward, Thanh Xuan District, Hanoi, Vietnam

Tel: +84 24 3724 5656

Email: [info@kenfoxlaw.com](mailto:info@kenfoxlaw.com) / [kenfox@kenfoxlaw.com](mailto:kenfox@kenfoxlaw.com)